

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯỚNG HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-NV
V/v hướng dẫn tự đánh giá, chấm
điểm mức độ hoàn thành nhiệm vụ
của các cơ quan, đơn vị sự nghiệp
thuộc UBND huyện năm 2023

Hướng Hóa, ngày tháng năm 2023

Kính gửi: Các cơ quan, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện

Thực hiện Quyết định số 3979/QĐ-UBND ngày 06/12/2023 của UBND huyện ban hành Quy định tiêu chí đánh giá, chấm điểm và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện Hướng Hóa; Công văn số 1820/UBND-NV ngày 12/12/2023 của UBND huyện về việc bổ sung nội dung tại phụ lục chấm điểm trong tiêu chí đánh giá, chấm điểm đối với các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện; UBND huyện hướng dẫn tự đánh giá, chấm điểm mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2023 như sau:

1. Nội dung tự đánh giá, chấm điểm theo các tiêu chí (TC), tiêu chí thành phần (TCTP)

a) Nội dung tự đánh giá, chấm điểm

- Các cơ quan, đơn vị tiến hành tự đánh giá, chấm điểm cho từng TC, TCTP trên cơ sở xem xét, đối chiếu với các tiêu chuẩn hoặc yêu cầu và cách chấm điểm tương ứng với từng TC, TCTP nêu tại phụ lục (gửi kèm).

- Trong quá trình thực hiện, nếu các tiêu chuẩn đánh giá quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật nêu tại phụ lục được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng một văn bản khác thì được áp dụng theo quy định tại các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

- Các TC, TCTP không có tài liệu kiểm chứng thì sẽ không được tính điểm.

b) Thời hạn chốt số liệu báo cáo, đánh giá

Số liệu báo cáo, đánh giá tính từ ngày 01/01/2023 và ước tính thực hiện đến ngày 31/12/2023.

2. Về tài liệu kiểm chứng

- Việc tự đánh giá, chấm điểm của các cơ quan, đơn vị bắt buộc phải kèm theo các tài liệu kiểm chứng (như: Kế hoạch, báo cáo, thông báo, quyết định, biên bản, công văn, ...) được lãnh đạo cơ quan, đơn vị ký ban hành để xác định mức độ tin cậy của việc tự đánh giá, chấm điểm cho từng TC, TCTP và được gửi kèm theo từng TC, TCTP tại phần mềm.

- Ngoài việc cung cấp các tài liệu kiểm chứng được liệt kê tại Phụ lục kèm theo Công văn này, các cơ quan, đơn vị có thể bổ sung các tài liệu kiểm chứng khác (nếu có) đủ độ tin cậy để chứng minh kết quả tự đánh giá, chấm điểm các TC, TCTP.

- Đối với các TC, TCTP tài liệu kiểm chứng không có đầy đủ thông tin kiểm chứng theo yêu cầu, các cơ quan, đơn vị giải trình rõ về cách đánh giá, tính điểm tại

Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm xác định Chỉ số CCHC của cơ quan, đơn vị và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin giải trình.

- Đối với các tài liệu kiểm chứng thuộc văn bản mật thì chỉ ghi nội dung số liệu phục vụ đánh giá kèm theo số và trích yếu văn bản; đối với số liệu lấy từ kết quả thống kê thì ghi rõ nguồn cung cấp kết quả thống kê.

Lưu ý: Các TC, TCTP không có tài liệu kiểm chứng theo văn bản hướng dẫn thì sẽ không được tính điểm.

4. Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm của cơ quan, đơn vị

Báo cáo tự đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị phải do người đứng đầu xem xét, phê duyệt gồm các nội dung:

- Tổng số điểm tối đa của đơn vị (*nếu tổng số điểm tối đa giảm so với quy định, đề nghị đơn vị ghi rõ nội dung, số điểm theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần và lý do đề xuất được trừ trong tổng điểm tối đa theo Quyết định số 3979/QĐ-UBND ngày 06/12/2023 của UBND huyện và Công văn số 1820/UBND-NV ngày 12/12/2023 của UBND huyện về việc bổ sung nội dung tại phụ lục chấm điểm trong tiêu chí đánh giá, chấm điểm đối với các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện*);

- Tổng số điểm tự chấm.

- Giải trình các nội dung tự đánh giá đối với các tiêu chí, tiêu chí thành phần không có đầy đủ thông tin kiểm chứng theo yêu cầu.

- Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị đã được người đứng đầu xem xét, phê duyệt (*gửi kèm báo cáo sau khi hoàn thành tự chấm điểm*).

- Những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị (*nếu có*).

5. Thời gian thực hiện

- Các cơ quan, đơn vị: Hoàn thành tự đánh giá chấm điểm mức độ hoàn thành nhiệm vụ và gửi báo cáo về UBND huyện (*qua Phòng Nội vụ*) chậm nhất vào lúc **15 giờ 00 phút, ngày 14/12/2023**.

- Tổ thư ký giúp việc của Hội đồng thẩm định: Hoàn thành rà soát, tổng hợp kết quả đánh giá, chấm điểm của các cơ quan, đơn vị và chuẩn bị nội dung họp Hội đồng thẩm định, đánh giá chậm nhất vào lúc **11 giờ 30 phút, ngày 15/12/2023**.

Trên đây là hướng dẫn của UBND huyện về công tác tự đánh giá chấm điểm mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện năm 2023./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng Nội vụ;
- CVP;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Bình Thuận

Phụ lục
Hướng dẫn đánh giá, chấm điểm mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với các cơ quan, đơn vị sự nghiệp
thuộc UBND huyện hàng năm

(Kèm theo Công văn số /UBND-NV ngày /12/2023 của UBND huyện)

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Cách tính điểm	Tài liệu kiểm chứng
I	Kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao	50		
1	Thực hiện các nhiệm vụ theo Chương trình công tác trọng tâm của UBND huyện	10	Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$, trong đó: - a là tổng số nhiệm vụ được giao hoàn thành trong kỳ; - b là số nhiệm vụ đã hoàn thành trước và đúng hạn.	- Văn bản thể hiện đã hoàn thành nhiệm vụ; - Các báo cáo giải trình liên quan.
2	Thực hiện các nhiệm vụ UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao	12		
a	Các nhiệm vụ được đánh giá trên phần mềm (bao gồm các nhiệm vụ theo thông báo kết luận của Chủ tịch UBND huyện và các Phó Chủ tịch UBND huyện) các nhiệm vụ có thời hạn hoàn thành từ ngày 15/12 của năm trước liền kề đến ngày 14/12 của năm đánh giá (hoàn thành nhiệm vụ từ 90% trở lên: 6 điểm; từ 80% đến dưới 90%: 3 điểm; dưới 80%: 0 điểm)	6	Tính điểm theo công thức: $(b/(a+c)) \times \text{điểm tối đa}$, trong đó: - a là tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành - b là nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn và đảm bảo yêu cầu quy định; - c là nhiệm vụ quá hạn đang thực hiện (trong kỳ thống kê).	- Căn cứ vào kết quả theo dõi của Văn phòng HĐND và UBND huyện.
b	Các nhiệm vụ không đánh giá trên phần mềm (hoàn thành nhiệm vụ từ 90% trở lên: 6 điểm; từ 80 đến dưới 90%: 3 điểm; dưới 80%: 0 điểm)	6	Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$, trong đó: - a là tổng số nhiệm vụ được giao hoàn thành trong kỳ;	- Văn bản thể hiện đã hoàn thành nhiệm vụ; - Các báo cáo giải trình liên quan.

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Cách tính điểm	Tài liệu kiểm chứng
			- b là số nhiệm vụ đã hoàn thành trước và đúng hạn.	
3	Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ đúng quy định về nội dung và thời gian và các báo cáo thực hiện Chương trình công tác trọng tâm; Chương trình hành động của UBND huyện giao	5	<p>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times$ điểm tối đa, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - a là tổng số báo cáo thực hiện định kỳ; - b là số báo cáo đã hoàn thành đảm bảo đúng thời gian và nội dung theo yêu cầu. 	- Văn bản thể hiện đã hoàn thành nhiệm vụ theo quy định.
4	Kết quả thực hiện các chỉ tiêu liên quan đến kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của UBND huyện giao theo lĩnh vực phụ trách (<i>các cơ quan, đơn vị không được giao thì trừ điểm của tiêu chí này vào điểm tổng</i>)	5	<p>Tính theo công thức: $b/a \times$ điểm tối đa, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - b là số chỉ tiêu đạt và vượt theo QĐ 212/QĐ-UBND ngày 18/01/2023; - a là tổng số chỉ tiêu được giao theo QĐ 212/QĐ-UBND ngày 18/01/2023. 	Báo cáo chính thức của UBND huyện hoặc của cơ quan, của ngành.
5	Triển khai, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các văn bản mới ban hành của cấp trên (Luật, văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, của Bộ, ngành Trung ương, cấp tỉnh, Huyện ủy, HĐND, UBND huyện) về lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị	4	<p>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times$ điểm tối đa, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - a là tổng số văn bản mới ban hành của cấp trên; - b là tổng số văn bản triển khai đối với các văn bản mới ban hành của cấp trên (Nếu trong năm không có văn bản mới ban hành của cấp trên về lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của đơn vị thì trừ vào điểm tổng). 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản mới ban hành của cấp trên; - Các văn bản thể hiện nội dung đã triển khai; - Kết quả theo dõi của Phòng Nội vụ.
6	Ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý	3		

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Cách tính điểm	Tài liệu kiểm chứng
a	Ban hành kế hoạch đúng quy định về nội dung và thời gian	1	<ul style="list-style-type: none"> - Đạt yêu cầu về nội dung và thời gian: 1 điểm. - Chưa đạt yêu cầu theo quy định về mặt thời gian, nội dung: 0,5 điểm. - Không ban hành kế hoạch: 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch tổ chức thực hiện công tác phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật năm 2023; - Kết quả theo dõi của Phòng Tư pháp.
b	Kết quả thực hiện so với kế hoạch	1	<ul style="list-style-type: none"> - Đạt 100% nhiệm vụ kế hoạch đề ra: 1 điểm. - Đạt 80%-90% nhiệm vụ kế hoạch đề ra: 0,5 điểm. - Dưới 80%: 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả công tác PBGDPL năm
c	Báo cáo đầy đủ, đúng quy định (B/c định kỳ và đột xuất)	1	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đúng quy định về nội dung và thời gian: 1 điểm. - Báo cáo chưa đủ về mặt nội dung và thời gian quy định: 0,25 điểm. - Không báo cáo: 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả theo dõi của Phòng Tư pháp.
7	Khắc phục các nội dung thực hiện trong năm theo kết luận của các đoàn thanh tra, kiểm tra tại đơn vị <i>(trong năm nếu cơ quan, đơn vị không có nội dung được thanh tra, kiểm tra thì trừ điểm của tiêu chí này vào điểm tổng)</i>	3	<p>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - a là tổng số nội dung được yêu cầu khắc phục tại kết luận thanh tra, kiểm tra; - b là tổng số nội dung đã khắc phục. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các kết luận thanh tra, kiểm tra tại đơn vị; - Văn bản thể hiện kết quả khắc phục của đơn vị theo các kết luận thanh tra, kiểm tra; - Kết quả theo dõi của các đơn vị thanh tra, kiểm tra.

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Cách tính điểm	Tài liệu kiểm chứng
8	<p>Giải ngân vốn đầu tư công (Hồ sơ quyết toán đúng quy định theo Nghị định số 99/2021/NĐ-CP của Chính phủ)</p> <p>Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công đạt 100% thì đạt điểm tối đa; đạt từ 70% trở lên tính theo công thức: Tỷ lệ % hoàn thành x điểm tối đa/100%; Đạt dưới 70%: 0 điểm</p> <p>(Các cơ quan, đơn vị không được giao giải ngân vốn đầu tư công thì trừ điểm của tiêu chí này vào điểm tổng)</p>	3	<p>Gồm 3 phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ quyết toán đúng quy định: 0,25 điểm. - Tổng điểm gồm kết quả giải ngân năm trước và kết quả giải ngân hiện tại: <ul style="list-style-type: none"> + Kết quả giải ngân năm trước (thời điểm 31/01) đạt 100%: 0,25 điểm, không đạt 100%: 0 điểm; + Giải ngân năm hiện tại: điểm. Đạt tỷ lệ từ 70% trở lên: đạt điểm tối đa; Dưới 70% bằng tỉ lệ giải ngân x 2 điểm/70%. 	<p>- Không (Phòng Tài chính - Kế hoạch sẽ đối chiếu từ Kho bạc Nhà nước huyện).</p>
9	<p>Ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan HCNN (Theo Kế hoạch số 114/KH-UBND ngày 12/3/2021 của UBND huyện về ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan nhà nước huyện Hướng Hóa năm 2021 và giai đoạn 2021-2025)</p>	5		
a	<p>- Hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng, trừ hồ sơ xử lý theo văn bản mật (Theo quy trình từ nhận văn bản, xử lý văn bản đến trình xử lý văn bản và ký số trên môi trường mạng)</p>	2,5		

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Cách tính điểm	Tài liệu kiểm chứng
	Đạt từ 90% trở lên: 2,5 điểm; đạt 80% đến 90%: 2 điểm; đạt dưới 80%: 0 điểm (Tính điểm theo công thức: Tỷ lệ % thực hiện x điểm tối đa/100)		+ Tỷ lệ % của văn bản đến đã xử lý/Tổng số văn bản đến; + Đạt 90% trở lên tính điểm theo công thức: Tỷ lệ % thực hiện x điểm tối đa; + Đạt từ 80%-90%: 2 điểm; + Đạt dưới 80% đến: 0 điểm.	Số liệu được thống kê trên Phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc của Văn phòng HĐND và UBND huyện và Phòng Văn hóa và Thông tin.
b	Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp:	2,5		
-	Tỷ lệ thực hiện DVCTT triển khai trên Cổng DVC của huyện	0,5	Tính điểm theo công thức: (b/a)*điểm tối đa, trong đó: - a là Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết; - b là Tổng số DVCTT toàn trình và một phần đã đăng ký triển khai trên Cổng DVC tỉnh; Nếu b/a < 80% thì điểm đánh giá là 0.	- TTHC: theo số liệu TTHC cấp huyện; - DVCTT: Căn cứ theo danh mục DVCTT tại Quyết định 1103/QĐUBND ngày 30/5/2023 ban hành Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần thực hiện trên địa bàn tỉnh năm 2023.
-	Tỷ lệ hồ sơ DVC trực tuyến	0,5	Tính theo công thức: (b/a) *điểm tối đa, trong đó: - a là tổng số hồ sơ trực tiếp và trực tuyến của toàn bộ TTHC; - b là hồ sơ trực tuyến của các DVCTT toàn trình và một phần; Nếu b/a < 30% thì điểm đánh giá là 0.	Báo cáo thống kê số liệu dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống Một cửa điện tử huyện: (thống kê từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/12/2023) https://motcua.quangtri.gov.vn/quangtri/bc_ds_dvc_new
-	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình	0,5	Tính điểm theo công thức: b/a*điểm tối đa, trong đó: - a là Tổng số dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần; - b là số lượng dịch vụ công trực tuyến toàn trình; Nếu b/a < 40% thì điểm đánh giá là 0.	Căn cứ theo danh mục DVCTT tại Quyết định số 1103/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 ban hành danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2023.

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Cách tính điểm	Tài liệu kiểm chứng
-	Tỷ lệ DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	0,5	<p>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - a là tổng số DVCTT toàn trình và một phần có phát sinh hồ sơ; - b là tổng số DVCTT toàn trình và một phần có phát sinh hồ sơ trực tuyến. 	<p>Báo cáo thống kê số liệu dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống Một cửa điện tử huyện: (thống kê từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/12/2023) https://motcua.quangtri.gov.vn/quangtri/bc_ds_dvc_new</p>
-	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	0,5	<p>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - a là Tổng số hồ sơ giải quyết của DVCTT toàn trình (gồm cả trực tuyến và không trực tuyến); - b là số hồ sơ giải quyết trực tuyến của DVCTT toàn trình (không sử dụng bản giấy). 	<p>Báo cáo thống kê số liệu dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống Một cửa điện tử huyện: (thống kê từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/12/2023) https://motcua.quangtri.gov.vn/quangtri/bc_ds_dvc_new</p>
II	Kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính	20		
1	Có giải pháp, sáng kiến mới áp dụng trong CCHC tại cơ quan, đơn vị	3	<p>- Các sáng kiến hoặc giải pháp, cách làm mới trong CCHC phải theo đúng quy định và đáp ứng yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Lần đầu tiên được áp dụng hoặc áp dụng thử để nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ CCHC trong phạm vi cơ quan, đơn vị, hoặc toàn ngành, hoặc cấp tỉnh, cấp huyện; + Đã hoặc có khả năng mang lại lợi ích thiết thực, nâng cao hiệu quả triển khai nhiệm vụ CCHC của UBND cấp huyện và có sức lan tỏa trong phạm vi cấp huyện; + Được Hội đồng sáng kiến của UBND huyện công nhận. 	

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Cách tính điểm	Tài liệu kiểm chứng
			<ul style="list-style-type: none"> - 01 sáng kiến, giải pháp được tính 1.5 điểm (tối đa không quá 3 điểm). - Không có sáng kiến hoặc giải pháp mới thì điểm đánh giá là 0. 	
2	Giải quyết hồ sơ TTHC đúng hạn tính điểm theo công thức: tỷ lệ hồ sơ đúng và trước hạn * điểm tối đa	5	<p>Thông kê:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng số hồ sơ TTHC do cơ quan tham mưu UBND cấp huyện đã giải quyết trong năm (a); - Số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn và trước hạn (b); <p>Điểm đánh giá được tính theo công thức: $(b/a) * \text{điểm tối đa}$.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu tỷ lệ $b/a < 0.95$ thì điểm đánh giá là 0; - Nếu cơ quan, đơn vị không phát sinh hồ sơ thì trừ vào điểm chuẩn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Số liệu hồ sơ tiếp nhận trên Hệ thống Một cửa điện tử được truy xuất tại Mẫu báo cáo 06a https://motcua.quangtri.gov.vn/quangtri/baocaotoantinhv3 - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND huyện.
3	Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về TTHC đúng quy định về nội dung và thời gian trên hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ	5	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo định kỳ đảm bảo thời gian từ ngày 15 đến 17 tháng cuối quý và đảm bảo nội dung đạt 5 điểm. - Báo cáo đảm bảo thời gian chưa đạt yêu cầu nội dung 2.5 điểm. - Không báo cáo: 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND huyện.
4	Thực hiện ký số văn bản đạt 90% trở lên: đạt điểm tối đa 05 điểm; dưới 90%: không đạt điểm	5	<p>Tính điểm theo công thức: $(b/a) * \text{điểm tối đa}$. Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> a là tổng số văn bản áp dụng chữ ký số đã ban hành; b là số văn bản Lãnh đạo ký số đã ban hành; <p>Nếu tỷ lệ $b/a < 0.8$ thì điểm đánh giá là 0.</p>	<p>Kết quả được trích xuất từ Phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc của Văn phòng HĐND và UBND huyện.</p>

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Cách tính điểm	Tài liệu kiểm chứng
5	Cập nhật, đối soát thông tin của cơ quan, đơn vị, cá nhân CBCCVC lên hệ thống ccvc@quangtri.gov.vn đảm bảo đầy đủ, đối soát chính xác đạt 02 điểm; đảm bảo đầy đủ nhưng không đối soát thông tin chính xác 01 điểm	2	<ul style="list-style-type: none"> - Hàng năm cán bộ, công chức, viên chức được bổ nhiệm, nâng lương, tốt nghiệp các khóa đào tạo... thì phải cập nhật những thông tin trên lên hệ thống thông tin CB,CC,VC của tỉnh. - Nếu các thông tin trên được cập nhật đầy đủ, chính xác 100% và được phê duyệt, thì điểm đánh giá là 2 điểm Cập nhật đủ số lượng, đủ nội dung nhưng đối soát thông tin chưa đúng: 1 điểm. - Nếu không đầy đủ thì điểm đánh giá: 0. 	- Kết quả theo dõi của Phòng Nội vụ.
III	Kết quả công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại	5		
1	Tổ chức công tác tiếp công dân theo quy định (các trường hợp không được quy định tại các điểm d, khoản 1 và khoản 3, Điều 4 của Luật Tiếp công dân thì trừ vào điểm tổng) <i>(Nếu trong năm không có công dân trực tiếp đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thì trừ điểm của tiêu chí này vào điểm tổng)</i>	2	<ul style="list-style-type: none"> - Đúng quy định: 2 điểm. - Không đúng quy định: 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch tiếp công dân; - Thông báo lịch tiếp công dân định kỳ; - Thông báo kết quả tiếp công dân định kỳ (nếu có); - Báo cáo kết quả công tác tiếp công dân định kỳ theo quy định; - Kết quả theo dõi của Thanh tra huyện.
2	Giải quyết đơn thư khiếu nại thuộc thẩm quyền <i>(nếu trong năm không nhận được đơn, thư thuộc thẩm quyền thì trừ điểm của tiêu chí này vào điểm tổng)</i>	3		

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Cách tính điểm	Tài liệu kiểm chứng
a	Tiếp nhận và xử lý đơn thư thuộc thẩm quyền (Tỷ lệ đơn thư được giải quyết/Đơn thư tiếp nhận đúng thẩm quyền giải quyết)	1,5	<p>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - a là tổng số đơn thư tiếp nhận thuộc thẩm quyền giải quyết; - b là tổng số đơn thư đã được giải quyết. 	<ul style="list-style-type: none"> - (b) Thông báo thụ lý đơn thư thuộc thẩm quyền - (a) Báo cáo giải quyết khiếu nại định kỳ theo quy định (BC năm) - Kết quả theo dõi của Thanh tra huyện
b	Kết quả giải quyết đơn thư (Tỷ lệ đơn thư giải quyết đúng quy định pháp luật được đối tượng tuân thủ thực hiện/Tổng số đơn thư được giải quyết); Đồng thời các đơn thư giải quyết không dứt điểm, để khiếu nại nhiều lần hoặc vượt cấp bị trừ điểm ở mục điểm trừ	1,5	<p>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - a là tổng số đơn thư đã được giải quyết; - b là tổng số đơn thư đã được giải quyết đúng quy định pháp luật được đối tượng tuân thủ thực hiện. <p><i>* Các đơn thư giải quyết không dứt điểm, để khiếu nại nhiều lần hoặc vượt cấp (nếu có) bị trừ điểm ở mục VI.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - (a, b) Quyết định giải quyết; - (a) Báo cáo giải quyết định kỳ theo quy định (BC năm); - Báo cáo vụ việc tồn đọng, phức tạp kéo dài (trong kỳ đánh giá); - Kết quả theo dõi của Thanh tra huyện.
IV	Thực hiện quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về xây dựng cơ quan, đơn vị và kỷ luật, kỷ cương hành chính	15		
1	Ban hành Kế hoạch và thực hiện các quy định về quy chế dân chủ (bao gồm cả quy chế chi tiêu nội bộ, hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân), công tác dân vận chính quyền	5		

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Cách tính điểm	Tài liệu kiểm chứng
a	Ban hành kế hoạch đúng thời gian và yêu cầu quy định	2,5	<p>Kế hoạch công tác QCDC năm 2023: 1 điểm.</p> <p>- Kế hoạch công tác DVCQ năm 2023: 1 điểm:</p> <p>+ Mỗi KH đúng quy định về nội dung và thời gian: điểm tối đa</p> <p>+ Mỗi KH chưa đúng quy định: 0,5 điểm;</p> <p>- Các văn bản khác theo hướng dẫn của UBND huyện năm 2023: 0,5 điểm (mỗi văn bản 0,25 điểm, tối đa không quá 0,5 điểm).</p>	<p>- Kế hoạch công tác QCDC năm 2023; Kế hoạch công tác DVCQ năm 2023;</p> <p>- Các văn bản phát sinh khác theo hướng dẫn của UBND huyện;</p> <p>- Kết quả theo dõi của Phòng Nội vụ.</p>
b	Kết quả thực hiện (theo báo cáo năm trước liền kề)	2,5	<p>- Báo cáo công tác QCDC đúng nội dung và thời gian: 1 điểm.</p> <p>- Báo cáo công tác DVCQ đúng nội dung và thời gian: 1 điểm.</p> <p>- Không ban hành báo cáo: 0 điểm.</p> <p>- Các báo cáo khác theo hướng dẫn của UBND huyện: 0,5 điểm (mỗi văn bản 0,25 điểm, tối đa không quá 0,5 điểm).</p>	<p>- Báo cáo công tác QCDC năm;</p> <p>- Báo cáo công tác DVCQ năm;</p> <p>- Báo cáo đột xuất;</p> <p>- Kết quả theo dõi của Phòng Nội vụ.</p>
2	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công sở và sử dụng hiệu quả thời gian làm việc	4	<p>Thực hiện đạt:</p> <p>- Mức độ Tốt: 4 điểm (không có CBCCVC vi phạm);</p> <p>- Mức độ Khá: 3 điểm (Tỷ lệ CBCCVC vi phạm dưới 1 %);</p> <p>- Mức độ Trung bình: 2 điểm (Tỷ lệ CBCCVC vi phạm từ 1% đến dưới 2%);</p> <p>- Mức độ Yếu: 0 điểm (Tỷ lệ CBCCVC vi phạm trên 2%).</p>	<p>- Kết quả đánh giá của đơn vị;</p> <p>- Báo cáo của đoàn kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính của đơn vị;</p> <p>- Kết quả theo dõi của Phòng Nội vụ;</p> <p>- Thông tin phản ánh từ báo chí và các phương tiện thông tin đại chúng, đơn thư khiếu nại của người dân.</p>
3	Kết quả thực hiện các quy định về phòng chống tham nhũng (<i>Báo cáo công tác phòng chống tham nhũng</i>)	3	<p>- BC đúng quy định: 3 điểm.</p> <p>- BC chưa đúng quy định: 1,5 điểm.</p> <p>- Không có báo cáo: 0 điểm.</p>	<p>- Báo cáo kết quả thực hiện các quy định về phòng chống tham nhũng định kỳ theo quy định;</p> <p>- Kết quả theo dõi của Thanh tra huyện.</p>

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Cách tính điểm	Tài liệu kiểm chứng
	<i>và kết quả thực hiện theo kế hoạch, theo báo cáo năm trước liền kề)</i>			
4	Kết quả thực hiện các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (<i>Báo cáo công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và kết quả thực hiện theo kế hoạch, theo báo cáo năm trước liền kề</i>)	3	- BC đúng quy định: 3 điểm. - BC chưa đúng quy định: 1,5 điểm. - Không có báo cáo: 0 điểm.	- Báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023; - Kết quả theo dõi của Phòng Tài chính - Kế hoạch.
V	Điểm cộng	10		
1	Có thành tích xuất sắc hoặc có sáng kiến, giải pháp mới trong thực hiện nhiệm vụ mang lại hiệu quả cao trong quản lý nhà nước, thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng để giải ngân vốn đầu tư công, cải thiện và nâng cao các chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, cải cách hành chính, hiệu quả quản trị hành chính công, sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước, ứng dụng công nghệ thông tin phát triển chính quyền số, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của huyện và địa phương được UBND huyện ghi nhận	6	Mỗi sáng kiến, giải pháp hoặc đề xuất được cộng 3 điểm, tổng điểm cộng không quá 6 điểm.	- Văn bản, tài liệu giải trình, chứng minh kết quả đạt được của đơn vị; - Kết quả theo dõi của Phòng Nội vụ.
2	Các cơ quan, đơn vị thực hiện đúng và trước hạn 100% tất cả các nhiệm vụ UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao	2		- Tự đánh giá của đơn vị; - Kết quả theo dõi của Văn phòng HĐND và UBND huyện.

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Cách tính điểm	Tài liệu kiểm chứng
3	Giải ngân vốn đầu tư công của năm trước liền kề đối với các đơn vị thực hiện chưa đạt 100% tại thời điểm đánh giá (mốc thời gian 31/01 của năm sau theo quy định): Các đơn vị giải ngân đạt 100%	2		- Tự đánh giá của đơn vị; - Kết quả theo dõi của Phòng Tài chính - Kế hoạch.
	TỔNG CỘNG: I+II+III+IV+V	100		
VI	Điểm trừ			
1	Tham mưu ban hành hoặc ban hành văn bản trái quy định, bị đình chỉ, bãi bỏ bằng quyết định của cơ quan có thẩm quyền, mỗi văn bản trừ 3 điểm		Mỗi văn bản trái quy định, bị đình chỉ, bãi bỏ bằng quyết định của cơ quan có thẩm quyền: Trừ 03 điểm.	- Tự đánh giá của đơn vị; - Theo dõi của Phòng Tư pháp.
2	Cơ quan, đơn vị bị Chủ tịch UBND huyện, hoặc cấp có thẩm quyền phê bình, khiển trách, nhắc nhở bằng văn bản trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, mỗi lần trừ 3 điểm		Mỗi lần cơ quan, đơn vị bị Chủ tịch UBND huyện, hoặc cấp có thẩm quyền phê bình, khiển trách, nhắc nhở bằng văn bản trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao: Trừ 03 điểm.	- Tự đánh giá của đơn vị; - Theo dõi của Văn phòng HĐND và UBND huyện.
3	Cơ quan, đơn vị có đơn, thư khiếu nại thuộc thẩm quyền mà không giải quyết hoặc có giải quyết nhưng không kịp thời, không thỏa đáng dẫn đến đơn thư khiếu nại vượt cấp (<i>trừ đơn, thư nặc danh</i>) được cấp có thẩm quyền giải quyết mà kết quả giải quyết đúng như nội dung đơn, thư khiếu nại phản ánh, mỗi trường hợp trừ 3 điểm, đúng 01 phần trừ 1,5 điểm		Đơn, thư khiếu nại vượt cấp thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị (trừ đơn, thư nặc danh) đã được cấp trên có thẩm quyền giải quyết: - Tổng số trường hợp cấp trên có thẩm quyền giải quyết đúng toàn phần như nội dung đơn, thư khiếu nại, tố cáo phản ánh: Trừ 3 điểm; - Tổng số trường hợp cấp trên có thẩm quyền giải quyết đúng một phần như	- Văn bản phản hồi của cấp trên có thẩm quyền giải quyết các trường hợp khiếu nại vượt cấp (nếu có); - Kết quả theo dõi của Thanh tra huyện.

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Cách tính điểm	Tài liệu kiểm chứng
			nội dung đơn, thư khiếu nại, tố cáo phản ánh: Trừ 1,5 điểm.	
4	Cơ quan, đơn vị không tập trung giải quyết khiếu nại theo thẩm quyền, dẫn đến có đơn thư khiếu kiện đông người (từ 05 người trở lên) lên cấp huyện, tỉnh, trung ương, mỗi trường hợp trừ 5 điểm		Tổng số trường hợp khiếu kiện đông người (từ 05 người trở lên) lên cấp huyện, tỉnh, trung ương do đơn vị không tập trung giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền): Trừ 5 điểm.	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản phản hồi của cấp trên có thẩm quyền giải quyết các trường hợp khiếu kiện đông người (nếu có); - Kết quả theo dõi của Thanh tra huyện.
5	Cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan và các đơn vị trực thuộc vi phạm trong thi hành công vụ, đạo đức lối sống, những điều đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức không được làm, pháp luật của nhà nước, bị xử lý kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên: Cán bộ lãnh đạo cấp Phòng và tương đương: Mỗi trường hợp trừ 3 điểm; cán bộ, công chức, viên chức còn lại: Điểm trừ tính theo tỷ lệ của mỗi đối tượng		CBCCVC của đơn vị vi phạm các nội dung quy định của tiêu chí bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên: <ul style="list-style-type: none"> - CBCC lãnh đạo cấp Phòng và tương đương bị kỷ luật: Trừ 3 điểm/1 trường hợp. - CCVC không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý bị xử lý kỷ luật so với tổng số CCVC không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý hiện có: Tỷ lệ vi phạm dưới 0,5%: Trừ 2 điểm; Từ 0,5% đến dưới 1%: Trừ 4 điểm; Từ 1% đến 5%: Trừ 6 điểm; Trên 5%: 0 điểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo CCHC, báo cáo kết quả về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan, đơn vị; - Kết quả theo dõi của Phòng Nội vụ phối hợp với các đơn vị liên quan.
6	Trong năm, cơ quan, đơn vị có sai phạm phát hiện qua hoạt động thanh tra có kiến nghị xử lý hành chính, xử lý kinh tế thì trừ 05 điểm; chuyển vụ việc sang cơ quan điều tra thì trừ 15 điểm.		<ul style="list-style-type: none"> - Có sai phạm qua hoạt động thanh tra, kiểm tra: Trừ 5 điểm. - Có sai phạm qua hoạt động thanh tra, kiểm tra, vụ việc được chuyển sang cơ quan điều tra: Trừ 15 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết luận thanh tra; Văn bản chuyển vụ việc sang cơ quan điều tra; - Kết quả theo dõi của Thanh tra huyện.

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Cách tính điểm	Tài liệu kiểm chứng
7	<p>Các cơ quan, đơn vị không thực hiện tốt việc giải quyết Thủ tục hành chính (TTHC), để phát sinh hồ sơ TTHC trễ hẹn nhưng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, đúng quy định việc xin lỗi cá nhân, tổ chức bằng văn bản đính kèm lên phần mềm một cửa điện tử trước khi trả hồ sơ cho tổ chức, cá nhân (theo quy định tại Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 08/12/2020 của UBND tỉnh) thì trừ 02 điểm.</p>		<p>- Thực hiện đầy đủ và đúng quy định về việc xin lỗi người dân, tổ chức (bằng văn bản) khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC thì không bị trừ điểm. - Trường hợp trễ hẹn mà không phải do lỗi của cơ quan nhà nước đề nghị có giải trình cụ thể cho từng trường hợp. Nếu thực hiện không đầy đủ hoặc không đúng quy định thì điểm trừ là 02 điểm.</p>	<p>- Kết quả theo dõi của Văn phòng HĐND và UBND huyện.</p>